

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ
Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2026
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh và bà Kiều Thị Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký tòa án Toà án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Diệu Linh, Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 337/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2026.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trịnh Hồng H1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Hồng H1 kết hôn với nhau ngày 04/11/2006 và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn chị H1 cùng anh H1 về chung sống cùng gia đình anh H1 tại thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ). Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Khoảng thời gian gần đây vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra xô sát cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai năm gần đây anh H1 thường xuyên rượu chè, đi sớm về khuya và có những mối quan hệ ngoài luồng. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ và vợ chồng sống ly thân từ ngày 03/11/2025 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được và chị không còn tình cảm với anh H1 nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Tuấn H2, sinh ngày 28/12/2007 và cháu Trịnh Anh Đ, sinh ngày 28/12/2010 (các cháu đang ở cùng chị H1). Hiện nay cháu H2 đã đủ 18 tuổi chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang làm việc tại Công ty TNHH C, bình quân thu nhập hàng tháng khoảng 10 - 11 triệu.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2025 và Biên bản hòa giải ngày 23/12/2025, Bị đơn là anh Trịnh Hồng H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau ngày 04/11/2006 và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng gia đình anh tại thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ). Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Khoảng đầu tháng 11/2025 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nguyên nhân do chị H hiểu nhầm anh. Đỉnh điểm anh chị sống ly thân từ ngày 03/11/2025 cho đến nay. Chị H về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ. Nay chị H làm đơn ly hôn anh biết và anh không đồng ý ly hôn vì anh nhận thấy anh còn yêu chị H và các con cần có tình cảm của cả bố và mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Tuấn H2, sinh ngày 28/12/2007 (đang ở cùng chị H), cháu Trịnh Anh Đ, sinh ngày 28/12/2010 (đang ở cùng chị H). Do cháu H2 đã đủ 18 tuổi anh không yêu cầu giải quyết. Nếu phải ly hôn anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh H đang làm công việc tự do lương bình quân thu nhập hàng tháng được khoảng 40 triệu.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trịnh Hồng H1. Giao chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Anh Đ và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trịnh Hồng H1 và giải quyết nuôi con chung. Bị đơn là anh H1 đăng ký thường trú và nơi cư trú tại thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh H1 nhiều lần nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Hồng H1 kết hôn với nhau ngày 04/11/2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, tiến bộ. Sau khi kết hôn, chị H1 về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh H1. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Quá trình chung sống chị H1 và anh H1 có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị H1 về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống từ tháng 11/2025 cho đến nay và vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng anh H1 chỉ có mặt 01 lần và những lần tiếp theo đều vắng mặt không lý do. Quá trình giải quyết, anh H1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên anh H1 không đưa ra được phương án gì để cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Ngoài ra không quan tâm, bỏ mặc để chị H1 tự giải quyết. Thể hiện anh H1 cũng không còn quan tâm gì đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình và tình trạng mâu thuẫn của anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H1 và cho chị H1 được ly hôn anh H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H1, anh H1 có 02 con chung là cháu Trịnh Tuấn H2, sinh ngày 28/12/2007; cháu Trịnh Anh Đ, sinh ngày 28/12/2010 (đang ở cùng chị H1). Hiện tại cháu H2 đã đủ 18 tuổi anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Đ, ly hôn anh H1, chị H1 cùng đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Đ còn nhỏ và sinh hoạt, học tập cùng chị H1, chị H1 cũng có công việc và nơi ở ổn định và có thu nhập bình quân ổn định hàng tháng. Vì vậy, để tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu Đ cần chấp nhận đề nghị của chị H1, giao cháu Đ cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H1 chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trịnh Hồng H1.

[2] Về nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Anh Đ, sinh ngày 28/12/2010. Anh Trịnh Hồng H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0005273 ngày 13 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND KV9-PT;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Tam Đảo, PT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mẫu Văn Mùi